TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LỘC** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11-3-2019
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Bùi Thị Thúy
2. Bà Nguyễn Thị Phương Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 11-3-2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST-HNGĐ ngày 03-01-2019 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/QĐXXST-HNGĐ ngày 25-01-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25-02-2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1978.
Hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện G, tỉnh Hải Dương.
Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979.
Hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn A, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.
Vắng mặt.

3. Người làm chứng: Bà Phạm Thị X, sinh năm 1945;
Trú tại: Thôn A, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương;
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27-12-2018 và trong quá trình xét xử, nguyên

đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn H vào ngày 22-02-2016 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện G, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H thường xuyên uống rượu say, không làm chủ được bản thân mình nên hay chửi bới, có lần còn đánh đập chị. Từ khi kết hôn với anh H, giữa chị và gia đình nhà chồng luôn có khoảng cách, mẹ anh H cũng như các anh em của anh H không thừa nhận chị. Do mâu thuẫn nên vợ chồng chị đã sống ly thân được hai năm nay, mỗi người sống một nơi. Đến nay, chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, không có cuộc sống chung nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H.

- Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Nguyễn Bảo Gia K, sinh ngày 10-3-2016. Chị xin nuôi cháu K và nhất trí mức tiền cấp dưỡng nuôi con do anh H đóng góp là 3.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

- Về hôn nhân: Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, việc đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống ở nhà chị T ở thôn Đ, xã X, huyện G, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống hai anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trước đây anh hay uống rượu say nên có những lời nói không hay với chị T. Thỉnh thoảng anh nghi ngờ chị T có quan hệ tình cảm với người khác. Bản thân chị T và mẹ đẻ anh không hòa hợp nên vợ chồng anh cũng hay cãi nhau. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, anh đã thay đổi, không còn uống rượu nữa, tu chí làm ăn, cũng không nói nặng lời với chị T. Ngoài sự cố gắng thay đổi bản thân mình thì anh không còn biện pháp nào khác để chị T thay đổi quan điểm. Nay chị T khởi kiện xin ly hôn anh, anh xác định vợ chồng anh vẫn còn tình cảm nên anh không nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung như chị T trình bày. Hiện cháu K đang ở với chị T. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh đồng ý để chị T nuôi con, anh đóng góp tiền nuôi con cùng chị T là 3.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện G, tỉnh Hải Dương, đại diện địa phương cung cấp: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H kết hôn

tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện G, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống, chị T và anh H xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể thì địa phương không nắm được. Theo chị T cung cấp thì nguyên nhân khiến hai anh chị mâu thuẫn là do anh H thường xuyên uống rượu say. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án căn cứ theo đơn của chị T để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Phạm Thị X là mẹ đẻ anh H cung cấp: Sau khi kết hôn, chị T và anh H chung sống cùng nhau tại nhà chị T ở xã X, huyện G, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống, anh H và chị T thường xuyên cãi nhau, thậm chí đã xảy ra xô xát. Do vợ chồng mâu thuẫn nên anh H và chị T không còn chung sống cùng nhau từ ngày 25/3/2018 (âm lịch), anh H chuyển về ở cùng bà tại xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương từ đó đến nay, hai vợ chồng sống ly thân. Thỉnh thoảng anh H vẫn đến nhà chị T để thăm con. Nay chị T xin ly hôn anh H, bà đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên toà:

Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh H; chị xin nuôi cháu K và nhất trí việc anh H cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị là 3.000.000 đồng/tháng. Chị T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn, người làm chứng chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Xử cho chị T ly hôn anh H. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Bảo Gia K, sinh ngày 10-3-2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh H cấp dưỡng tiền nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 3/2019 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí: Chị

T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp. Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí tiền cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn H được triệu tập hợp lệ hai lần đến phiên tòa mà vẫn vắng mặt, người làm chứng bà Phạm Thị X vắng mặt nhưng đã có lời khai trực tiếp với Tòa án nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H, bà X.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H kết hôn năm 2016 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện G, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H thường xuyên uống rượu say, mỗi khi uống rượu say anh H lại chửi bới, đánh đập chị T. Bản thân anh H thừa nhận có uống rượu nên đã nói nặng lời với chị T nhưng đến nay anh đã thay đổi, không còn uống rượu nữa mà đã tu chí làm ăn nên anh muốn vợ chồng về đoàn tụ để không bị ảnh hưởng đến cuộc sống của con, ngoài ra anh không còn biện pháp nào khác để cải thiện tình cảm vợ chồng. Tòa án tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ nhưng chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn. Thực tế vợ chồng anh chị sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, không có cuộc sống chung, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần cho chị T ly hôn anh H.

[2] Về con chung: Vợ chồng chị T và anh H có một con chung là Nguyễn Bảo Gia K, sinh ngày 10-3-2016. Chị T và anh H đều có ý kiến giao cháu K cho chị T nuôi dưỡng. Xét thấy cháu K còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, hiện nay cháu K đang ở với chị T. Anh H đang làm công nhân tại Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi Vina, có thu nhập ổn định nên có điều kiện cấp dưỡng tiền nuôi cùng chị T. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu K cho chị T nuôi dưỡng đến khi cháu K thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp. Anh H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị T là 3.000.000 đồng/tháng nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của anh.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản sau khi ly hôn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn, anh H phải chịu án phí tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung Nguyễn Bảo Gia K, sinh ngày 10-3-2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh H cấp dưỡng tiền nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 3/2019 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu anh H chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003536 ngày 03-01-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí tiền cấp dưỡng nuôi con (chưa nộp).

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoài Thanh